TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2020/HNGĐ-ST
Ngày 11-8-2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Duy Hải;

2. Ông Huỳnh Sơn Tây.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa*:** Bà Bồ Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã T tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 100/2020/TLST-HNGĐ ngày 12/5/2020 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23/7/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Hồng N, sinh năm 1986; địa chỉ thường trú: Thôn S, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; tạm trú: Tổ 3, khu phố Ô, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt;

- *Bị đơn:* Ông Lê Xuân M, sinh năm 1985; địa chỉ thường trú: Thôn S, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; tạm trú: Tổ 3, khu phố Ô, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Trần Thị Hồng N trình bày:*

Sau thời gian tìm hiểu, bà Trần Thị Hồng N và ông Lê Xuân M tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 50, quyển số 01/2009 ngày 17/8/2009. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, nuôi dạy con cái và mâu thuẫn trong kinh tế gia đình. Sau thời gian vợ chồng ly thân, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông M.

Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Thị Kiều T, sinh ngày 15/5/2020 và Lê Quang V, sinh ngày 09/10/2016. Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con và không yêu cầu ông M cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung, bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do bận công việc, không có thời gian tham gia tố tụng nên bà N có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn ông Lê Xuân M:* Không có bản tự khai.

- *Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định. Đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Hồng N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn bà Trần Thị Hồng N có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Lê Xuân M được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 227 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:* Bà Trần Thị Hồng N và ông Lê Xuân M có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 50, quyển số 01/2009 ngày 17/8/2009 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo bà N trình bày, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, không còn tình cảm. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân và không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ông M đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và Tòa án đã nhiều lần tổ chức và triệu tập ông tham gia hòa giải nhưng ông đều không đến. Mặc dù biết bà N xin ly hôn nhưng ông không đến Tòa án, điều này đã cho thấy ông M đã không quan tâm đến cuộc hôn nhân với bà N, vợ chồng không còn yêu thương, chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà N là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Lê Thị Kiều T, sinh ngày 15/5/2020 và Lê Quang V, sinh ngày 09/10/2016 đang sống với bà N. Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con. Xét thấy, các cháu hiện nay đang sống với bà N nên cần giữ ổn định về chỗ ở để không ảnh hưởng tâm lý của trẻ. Hơn nữa, tại bản tự khai, cháu T cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Ngoài ra, bà N có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao 02 con cho bà N nuôi dưỡng. Bà N không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Trường hợp sau này bà N khó khăn thì có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con trong một vụ án khác.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị Hồng N phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Hồng N về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con với bị đơn ông Lê Xuân M.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Hồng N được ly hôn với ông Lê Xuân M.

- Về con chung: Giao 02 cháu Lê Thị Kiều T, sinh ngày 15/5/2020 và Lê Quang V, sinh ngày 09/10/2016 cho bà Trần Thị Hồng N được trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị Hồng N về việc không yêu cầu ông Lê Xuân M cấp dưỡng nuôi con.

Bà Trần Thị Hồng N và ông Lê Xuân M đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0037898 ngày 04/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Trí